

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 773/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 13/8/2020
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Nguyệt

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương

2. Bà Nguyễn Thị Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Bá Thu Thụ – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2020TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 287/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1990

Địa chỉ: khu phố A, phường Linh T, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Đào Viết L, sinh năm 1982

Địa chỉ: khu phố A, phường Linh T, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc P trình bày: Bà và ông Đào Viết L tự nguyện kết hôn vào năm 2011 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân thị trấn Phố C, huyện Hương S tỉnh Hà T. Sau khi lập gia đình ông bà sống tự lập. Theo bà cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc bình thường nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông L không quan tâm, chia sẻ với vợ con, từ đó vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Ông bà đã ly thân từ tháng 11/2018 cho đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đào Viết Đ, sinh ngày 09/11/2011 và Đào N, sinh ngày 03/4/2017. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung và tự nguyện không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Đào Viết L mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay: Bà Nguyễn Ngọc P có đơn xin vắng mặt. Ông Đào Viết L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữ các đương sự là “Tranh chấp ly hôn” nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Ngọc P có đơn xin vắng mặt. Bị đơn ông Đào Viết L đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Ngọc P và ông Đào Viết L tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33/2011 ngày 07/7/2011 do Ủy ban nhân dân thị trấn Phô Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh cấp, do đó hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Ngày 11/02/2020 bà Phượng nộp đơn xin ly hôn với ông L. Trong quá trình hòa giải bà Phượng kiên quyết xin ly hôn, ông Đào Viết L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Phượng và ông L đã xảy ra mâu thuẫn từ cuối năm 2017, đến nay đời sống hôn nhân không tồn tại, vợ chồng không còn gắn bó tình cảm yêu thương nhau, không còn gắn bó tình cảm yêu thương, không còn trách nhiệm chăm sóc lẫn nhau. Ông Đào Viết L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng ông vắng mặt không có lý do. Điều này cho thấy ông L không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, không chú tâm đến các yêu cầu của bà Phượng và cũng không có ý thức tôn trọng pháp luật. Bà Phượng xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông L không còn, mục đích hôn nhân hiện nay cũng không đạt được, cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, ông bà cũng đã ly thân và nay xin ly hôn, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm

2014 Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Phượng về việc xin ly hôn với ông L.

Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của bà Phượng và ông L cũng như giấy khai sinh của 02 người con được bà Phượng cung cấp trong hồ sơ vụ kiện, có cơ sở xác định quá trình sống chung giữa bà Phượng và ông L có 02 con chung tên Đào Viết Đ, sinh ngày 09/11/2011 và Đào N, sinh ngày 03/4/2017. Bà Phượng có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung và tự nguyện không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu nuôi con chung của bà Phượng, Hội đồng xét xử xét thấy bà Phượng đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung, ông L đã được Tòa án thông báo về yêu cầu được nuôi con chung của bà Phượng nhưng không có ý kiến gì nên yêu cầu tiếp tục được nuôi con chung của bà Phượng sau khi ly hôn là có cơ sở chấp nhận. Vì vậy căn cứ vào Điều 58, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Phượng được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung tên Đào Viết Đ, sinh ngày 09/11/2011 và Đào N, sinh ngày 03/4/2017 để ổn định môi trường phát triển và học tập. Ghi nhận việc bà Phượng không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Không có

Về án phí: Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015. Bà Phượng phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được cân trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc P.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc P được ly hôn ông Đào Viết L.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Đào Viết Đ, sinh ngày 09/11/2011 và Đào N, sinh ngày 03/4/2017.

Bà Nguyễn Ngọc P trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên Đào Viết Đ, sinh ngày 09/11/2011 và Đào N, sinh ngày 03/4/2017. Việc cấp dưỡng nuôi con bà Phượng tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con

làm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2-/ Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Phụng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0056698 ngày 18/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Bà Phụng đã nộp đủ án phí. Ông Đào Viết L không phải chịu án phí.

3-/ Quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xét xử công khai các đương sự vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án NDTP.HCM;
- VKS NDQ.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q.Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các bên đ/sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ánh Nguyệt

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

.